



**ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN I.**  
**MÔN: ĐỊA LÍ \*\*\* NĂM HỌC: 2012 - 2013**

Ngày thi: 02 + 03/03/2013  
Thời gian làm bài: 180 phút (không kể thời gian giao đề)  
(Đề thi gồm: 01 trang)

**ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM CHẤM ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN I - MÔN: ĐỊA LÍ**  
**Ngày thi: 02 + 03/03/2013**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
<b>I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)</b>			
<b>Câu I</b> <b>(2,0đ)</b>	<b>1</b>	<b>Các vấn đề quan trọng nhất trong việc bảo vệ môi trường ở nước ta. GT đất feralit là sản phẩm chủ yếu của quá trình hình thành đất ở nước ta.</b>	<b>1,00</b>
		* Có 2 vấn đề quan trọng nhất trong việc bảo vệ môi trường ở nước ta là: - Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường: biểu hiện ở sự gia tăng các thiên tai và sự biến đổi bất thường về thời tiết, khí hậu (diễn giải). - Tình trạng ô nhiễm môi trường: nước, không khí và đất (diễn giải).	0,25 0,25
		* Đất feralit là sản phẩm chủ yếu của quá trình hình thành đất ở nước ta do: - Quá trình hình thành đất feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm (diễn giải). - Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit (dẫn chứng).	0,25 0,25
	<b>2</b>	<b>Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta. GT quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp.</b>	<b>1,00</b>
		* Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta: - Lực lượng lao động lớn trong khi sức sản xuất của xã hội chưa đáp ứng nhu cầu việc làm (dẫn chứng). - Phân bố và sử dụng nguồn lao động chưa hợp lí (dẫn chứng). - Trình độ chuyên môn kĩ thuật, tay nghề của người lao động còn thấp so với yêu cầu phát triển các ngành kinh tế (dẫn chứng).	0,25 0,25 0,25
		* Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp là do: điểm xuất phát của nền kinh tế nước ta thấp, nền kinh tế chậm phát triển, chiến tranh kéo dài, CNH diễn ra muộn...	0,25
	<b>Câu II</b> <b>(3,0đ)</b>	<b>1</b>	<b>Trình bày những đặc trưng cơ bản của nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hóa. GT nước ta lại tồn tại song song hai nền nông nghiệp đó.</b>
		* Đặc trưng cơ bản của nền nông nghiệp cổ truyền: - Quy mô sản xuất nhỏ, công cụ thủ công, sử dụng sức người là chính, năng suất lao động thấp... - Chuyên môn hóa thấp, mỗi cơ sở sản xuất, mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm và phần lớn là để tiêu dùng tại chỗ; phổ biến ở nhiều vùng lãnh thổ ở nước ta...	0,25 0,25
		* Đặc trưng cơ bản của nền nông nghiệp hàng hóa: - Quy mô sản xuất lớn, người nông dân quan tâm nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm; mục đích sản xuất không chỉ tạo ra nhiều nông sản, mà quan trọng hơn là tạo ra nhiều lợi nhuận... - Sản xuất được tiến hành theo hướng đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp và công nghệ mới, phát triển ở những vùng có truyền thống sản xuất hàng hóa...	0,25 0,25
		* Nước ta tồn tại song song hai nền nông nghiệp là do: - Điểm xuất phát của nền kinh tế nước ta thấp và sự phát triển chênh lệch giữa các vùng (diễn giải). - Đường lối đổi mới của Nhà nước và do hiện nay nước ta có nhiều điều kiện để phát triển nền nông nghiệp sản xuất hiện đại (diễn giải).	0,25 0,25
<b>2</b>		<b>Chứng minh rằng nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và nêu đặc điểm phân bố của ngành này.</b>	<b>1,50</b>
		* Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp chế biến LT, TP:	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú từ ngành trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản (dẫn chứng).</li> <li>- Có nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm, giá nhân công rẻ (dẫn chứng).</li> <li>- Có thị trường tiêu thụ rộng cả ở trong nước và nước ngoài (dẫn chứng).</li> <li>- Có cơ sở vật chất kĩ thuật khá phát triển; đường lối, chính sách của Nhà nước (dẫn chứng).</li> </ul>	0,25 0,25 0,25 0,25																														
		<ul style="list-style-type: none"> <li>* Đặc điểm phân bố của ngành công nghiệp chế biến LT, TP:</li> <li>- Phân bố rộng rãi, có mặt ở khắp các vùng lãnh thổ của đất nước, đặc biệt ở các thành phố, thị xã, các đồng bằng.</li> <li>- Phân bố gắn với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.</li> </ul>	0,25 0,25																														
<b>Câu III (3,0đ)</b>	<b>1</b>	<b>Vẽ biểu đồ.</b>	<b>1,50</b>																														
		<ul style="list-style-type: none"> <li>* Xử lí số liệu: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế. (Đơn vị: %)</li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>1996</th> <th>2000</th> <th>2005</th> <th>2008</th> <th>2010</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thành phần kinh tế</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nhà nước</td> <td>49,6</td> <td>34,2</td> <td>25,1</td> <td>18,5</td> <td>18,2</td> </tr> <tr> <td>Ngoài Nhà nước</td> <td>23,9</td> <td>24,5</td> <td>31,2</td> <td>37,1</td> <td>39,3</td> </tr> <tr> <td>Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài</td> <td>26,5</td> <td>41,3</td> <td>43,7</td> <td>44,4</td> <td>42,5</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	1996	2000	2005	2008	2010	Thành phần kinh tế						Nhà nước	49,6	34,2	25,1	18,5	18,2	Ngoài Nhà nước	23,9	24,5	31,2	37,1	39,3	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	26,5	41,3	43,7	44,4	42,5	0,50
	Năm	1996	2000	2005	2008	2010																											
	Thành phần kinh tế																																
	Nhà nước	49,6	34,2	25,1	18,5	18,2																											
Ngoài Nhà nước	23,9	24,5	31,2	37,1	39,3																												
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	26,5	41,3	43,7	44,4	42,5																												
	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Vẽ biểu đồ:</li> <li>- Vẽ biểu đồ miền.</li> <li>- Yêu cầu: Vẽ đúng, đẹp, tương đối chính xác, có chia khoảng cách năm, tên biểu đồ, chú thích, ghi số liệu vào biểu đồ...</li> </ul> <p>(Nếu thiếu từ 1 - 2 nội dung trừ 0,25 điểm).</p>	1,00																															
<b>2</b>	<b>Nhận xét, giải thích.</b>	<b>1,50</b>																															
	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Nhận xét:</li> <li>- Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta có sự thay đổi rất rõ rệt.</li> <li>- Xu hướng thay đổi là: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm nhanh tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong thành phần kinh tế Nhà nước (dẫn chứng).</li> <li>+ Tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong thành phần kinh tế ngoài Nhà nước, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư của nước ngoài (dẫn chứng).</li> </ul> </li> </ul>	0,25 0,25 0,25																															
	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Giải thích:</li> <li>- Có sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở nước ta là do tác động của công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, phát triển nền kinh tế thị trường, có nhiều chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư trong nước; tăng cường liên doanh, liên kết, thu hút vốn đầu tư nước ngoài...</li> <li>- Khu vực công nghiệp Nhà nước giảm tỉ trọng do hiện nay quản lí Nhà nước không còn dàn trải, mà chỉ tập trung vào một số ngành công nghiệp then chốt với vai trò điều tiết...</li> <li>- Khu vực công nghiệp ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư của nước ngoài tăng tỉ trọng do phát huy có hiệu quả năng lực sản xuất, cạnh tranh; đặc biệt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn có thế mạnh về vốn, kĩ thuật, kinh nghiệm quản lí...</li> </ul>	0,25 0,25 0,25																															
<b>II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm) - Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu IV.a hoặc IV.b</b>																																	
<b>Câu IV.a (2,0đ)</b>		<b>GT vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn. Tóm tắt các đặc điểm chủ yếu của vùng nông nghiệp Trung du và miền núi BB.</b>	<b>2,00</b>																														
		<ul style="list-style-type: none"> <li>* GT vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn:</li> <li>- Có diện tích rộng, có nhiều đồng cỏ tự nhiên, khí hậu thích hợp (dẫn chứng).</li> <li>- Nhu cầu lương thực cơ bản được đảm bảo nên hoa màu lương thực được giành nhiều hơn cho chăn nuôi; thị trường tiêu thụ trong vùng và từ các vùng khác ngày càng lớn (dẫn chứng).</li> </ul>	0,25 0,25																														

	<p>* Tóm tắt các đặc điểm chủ yếu của vùng nông nghiệp Trung du và miền núi BB:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện sinh thái nông nghiệp: có núi, cao nguyên, đồi thấp; đất feralit đỏ vàng, đất phù sa cổ bạc màu; khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh.</li> <li>- Điều kiện kinh tế - xã hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mật độ dân số tương đối thấp; người dân có kinh nghiệm sản xuất lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp.</li> <li>+ Ở vùng trung du có các cơ sở công nghiệp chế biến, điều kiện giao thông tương đối thuận lợi; ở vùng núi còn nhiều khó khăn.</li> </ul> </li> <li>- Trình độ thâm canh: nhìn chung còn thấp, sản xuất theo kiểu quảng canh, đầu tư ít lao động và vật tư nông nghiệp; ở vùng trung du trình độ thâm canh đang được nâng cao.</li> <li>- Chuyên môn hóa sản xuất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (chè, trâu, sò, hồi...); cây đậu tương, lạc, thuốc lá; cây ăn quả, cây dược liệu.</li> <li>+ Chăn nuôi trâu, bò lấy thịt và lấy sữa; vùng trung du còn chăn nuôi lợn.</li> </ul> </li> </ul>	0,25
		0,25
		0,25
		0,25
		0,25
		0,25
<b>Câu IV.b (2,0đ)</b>	<b><i>GT việc giữ vững chủ quyền của các hòn đảo và quần đảo lại có ý nghĩa to lớn. Trình bày vấn đề khai thác các tài nguyên thuộc vùng biển và hải đảo nước ta.</i></b>	<b>2,00</b>
	* Việc giữ vững chủ quyền của các hòn đảo và quần đảo lại có ý nghĩa to lớn vì:	
	- Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo chính là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa.	0,25
	- Các đảo, quần đảo là hệ thống tiên tiêu bảo vệ đất liền, là cơ sở để nền kinh tế nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới.	0,25
	* Vấn đề khai thác các tài nguyên thuộc vùng biển và hải đảo nước ta:	
	- Khai thác các tài nguyên sinh vật biển và hải đảo:	
	+ Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ, các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao, cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.	0,25
	+ Phát triển đánh bắt xa bờ, góp phần khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, góp phần bảo vệ vùng biển và vùng thềm lục địa của nước ta.	0,25
	- Khai thác tài nguyên khoáng sản:	
	+ Nghề làm muối là nghề truyền thống, đã được phát triển mạnh ở nhiều địa phương. Hiện nay, sản xuất muối theo hướng công nghiệp đã được tiến hành và đem lại năng suất cao.	0,25
	+ Đẩy mạnh công tác thăm dò và khai thác dầu khí trên vùng thềm lục địa, mở rộng các dự án liên doanh với nước ngoài; phát triển công nghiệp khí hóa lỏng, sản xuất phân bón và điện từ nguồn khí đốt; xây dựng nhà máy lọc, hóa dầu; tránh các sự cố môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.	0,25
	- Phát triển du lịch biển: các trung tâm du lịch biển được nâng cấp; nhiều vùng biển, đảo mới được đưa vào khai thác (dẫn chứng).	0,25
	- Giao thông vận tải biển: hàng loạt các cảng lớn đã được cải tạo và nâng cấp, xây dựng các cảng nước sâu (dẫn chứng); xây dựng hàng loạt các cảng nhỏ, hầu hết các tỉnh ven biển đều có cảng; các tuyến vận tải hàng hóa và hành khách thường xuyên đã nối liền các đảo với đất liền...	0,25

-----**Hết**-----

